

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Trần Thị Dung tại Văn bản số 08/CV-HKD ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở chăn nuôi lợn; Văn bản số 09 /CV-HKD ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp Giấy phép môi trường Cơ sở chăn nuôi lợn và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 319/TTr-TNMT ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chăn nuôi lợn” của Hộ kinh doanh Trần Thị Dung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Hộ kinh doanh Trần Thị Dung (địa chỉ trụ sở chính: Thôn Kon Jơ Dreh, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở chăn nuôi lợn với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Cơ sở chăn nuôi lợn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Kon Jơ Dreh, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 38A8012630 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 03 tháng 3 năm 2022. Thay đổi lần 2 ngày 29 tháng 11 năm 2024 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Kon Tum cấp.

1.4. Mã số thuế: 6100603436-001

1.5. Loại hình chăn nuôi, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô diện tích: 37.876 m², trong đó diện tích xây dựng khu chuồng trại và các hạng mục phụ trợ khoảng 1.599 m².

- Quy mô hoạt động:

+ Quy mô chăn nuôi của cơ sở: 40 con lợn nái; 450 con lợn thịt; 320 con lợn con theo mẹ. Tổng số đơn vị vật nuôi của cơ sở là 97,6 đơn vị nuôi.

+ Quy mô cơ sở phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Tổng vốn kinh doanh của cơ sở là 1.000.000.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công năm 2019 cơ sở thuộc nhóm C.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1,2,3,4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ kinh doanh Trần Thị Dung.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Trần Thị Dung có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự

cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*kể từ ngày cấp Giấy phép*).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Hộ kinh doanh Trần Thị Dung;
- Phòng TN&MT TP;
- Phòng Kinh tế TP;
- UBND Đăk Blà;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Đ/c CVP, đ/c Bình – PCVP;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn thải số 02: Nước thải chăn nuôi.

2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt 0,4 m³/ngày.đêm.
- Nguồn thải số 02: Nước thải chăn nuôi 7,57 m³/ngày.đêm.

3. Dòng nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng hệ thống ống dẫn nhựa PVC D100, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn tại khu vực nhà vệ sinh chung, sau đó tự chảy ra giếng thấm và thấm xuống đất.

- Dòng thải số 02: Nước thải chăn nuôi phát sinh sẽ được dẫn theo các mương bê tông vào bể biogas, sau đó qua các bể Aerotank, bể lắng, bể khử trùng và 02 hồ sinh học bằng đường ống PVC Φ90.

4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

-Đối với nước thải sinh hoạt:

Bảng 1.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
7	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
8	Coliform	MPN/100ml	6.000

Ghi chú:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được ban hành theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với nước thải chăn nuôi:

Bảng 1.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN62-MT:2016/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9, K_f=1,3$)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	108
3	COD	mg/l	324
4	TSS	mg/l	162
5	Tổng Nito (theo N)	mg/l	162
6	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100 ml	5.000

Ghi chú:

- QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B).

- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt.

+ *Vị trí:* Thôn Kon Jơ Dreh, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tọa độ: X=1.589.564,3; Y= 559.770,4.

+ *Phương thức xả thải:* Tự chảy.

+ *Chế độ xả thải:* Ngắt quãng (khi sử dụng nước).

+ *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Thấm đất trong phạm vi cơ sở.

- Dòng thải số 02: Nước thải chăn nuôi.

+ *Vị trí:* Thôn Kon Jơ Dreh, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tọa độ: X=1.589.585; Y= 559.691.

+ *Phương thức xả thải:* Tự chảy và xả cưỡng bức.

+ *Chế độ xả nước thải:* Ngắt quãng (khi cần sử dụng nước thải sau xử lý).

+ *Nguồn tiếp nhận:* Tưới cây lâu năm trong phạm vi cơ sở.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a. Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt: Công trình thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng các đường ống PVC $\square 90$ dẫn vào bể tự hoại 03 ngăn để xử lý.

b. Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi: Nước thải phát sinh từ các chuồng nuôi sẽ được dẫn theo các mương bê tông kích thước rộng 0,4m, sâu 0,2m vào bể biogas, sau đó qua các bể Aerotank, bể lắng, bể khử trùng và 02 hồ sinh học bằng đường ống PVC $\Phi 90$.

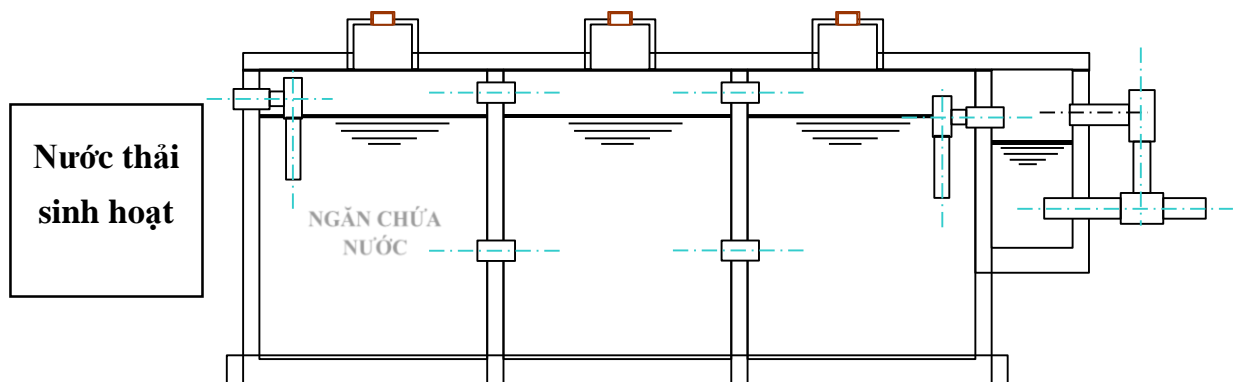
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt:

Chủ cơ sở xây hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý. Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống uPVC dẫn vào giếng thăm và thăm đất.

Số lượng khu 01 khu có diện tích khoảng 09 m² xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày. Tọa độ: X=1.589.564,3; Y= 559.770,4.

Hình 1.1. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt



Ghi chú:

(1) Ngăn lắng và xử lý yếm khí. (2) Ngăn lắng ngang (3) Ngăn xử lý hiếu khí.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải bậc I và thực hiện hai chức năng:

Lắng cặn và lọc trước khi qua công trình tiếp theo. Hiệu quả lắng cặn trong bể tự hoại có thể đạt được từ 40% đến 60% phụ thuộc vào nhiệt độ và chế độ quản lý, vận hành bể.

Cặn rắn được giữ lại trong bể từ 03 đến 06 tháng, trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và phân tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Phần nước thải sẽ được dẫn qua bể lọc, còn lượng bùn dư sau thời gian lưu khoảng 02 đến 05 năm sẽ thuê xe hút chuyên dùng hút đi. Mỗi lần lấy cặn phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải khi đến bể lọc, sẽ được tiến hành lọc qua lớp: than củi dày 0,2m, than xỉ dày 0,2m và gạch vỡ dày 0,2m. Sau đó sẽ tiếp tục được dẫn vào hệ thống thu hồi nước thải sau đó cho vào giếng thăm để thăm đất.

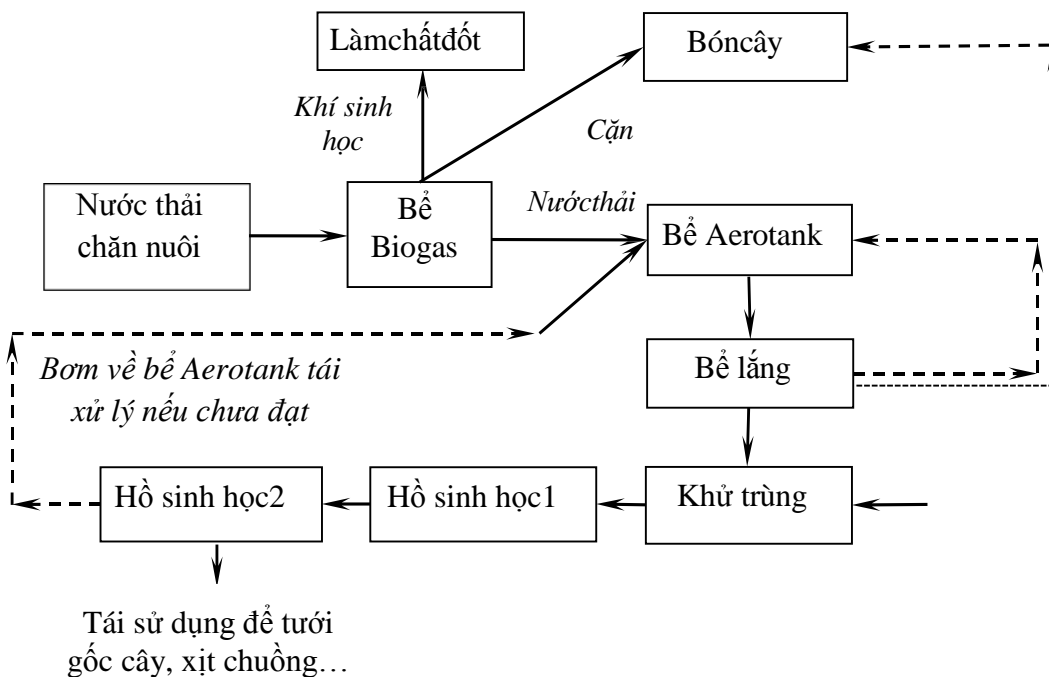
Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể, nổi ống Ø140 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống.

- Bể tự hoại đang được sử dụng với nhiều ưu điểm như: Hiệu suất xử lý ổn định kể cả khi dòng nước thải đầu vào có dao động lớn; chiếm ít diện tích, giá thành rẻ và việc xây dựng, quản lý đơn giản. Hiệu suất lắng của bể đối với các chất lơ lửng: BOD 65 -75%, SS 75 – 85% và COD của nước thải giảm từ 35 - 65% và các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần.

b. Nước thải chăn nuôi:

Nước thải chăn nuôi được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải với công nghệ sinh học lên men yếm khí (Biogas).

➤ Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:



Hình 1.2. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi

➤ Thuyết minh quy trình vận hành:

- Nước thải từ khu vực chuồng trại được thu gom dẫn vào bể Biogas để xử lý theo phương pháp kỵ khí. Nhờ vào nguyên lý hoạt động của vi sinh kỵ khí, trong điều kiện không có oxy, nước thải sẽ phản ứng lên men yếm khí (gồm 3 giai đoạn chính: Phân hủy các chất hữu cơ cao phân tử; tạo nên các axit; tạo methane) phân hủy lượng lớn chất hữu cơ cao phân tử tạo ra các hợp chất hữu cơ đơn giản, đồng thời xảy ra phản ứng phân hủy các chất hữu cơ đơn giản tạo thành axit béo dễ bay hơi và giải phóng lượng lớn khí Biogas bao gồm: khí mêtan (CH_4) chiếm khoảng 60 - 65%, cùng các khí hidrosunfua, cacbonic, nitơ,... được thu hồi sử dụng làm chất đốt. Cặn từ hồ Biogas định kỳ sẽ được hút đưa đi bón cây cao su.

- Nước thải sau khi qua bể Biogas sẽ loại bỏ được khoảng 60-70% BOD₅,

COD và SS sẽ được dẫn qua bể Aerotank để tiếp tục xử lý theo phương pháp hiếu khí liên tục nhằm xử lý các chất hữu cơ còn lại. Tại bể này, không khí sẽ được sục vào nhằm cung cấp oxy cho các vi sinh vật hiếu khí hoạt động. Tại bể Aerotank xảy ra các hiện tượng:

+Khử phần lớn BOD₅ của nước thải, hiệu suất khử 80-85%.

+Bùn hoạt tính khi được sục khí sẽ hấp thụ lại P để tổng hợp duy trì tế bào và vận chuyển năng lượng. Các tế bào liên kết với nhau tạo thành bông cặn lắng xuống đáy. Hiệu suất giải phóng khoảng từ 10-60% P.

+Nitrat hóa: Trong nước thải tồn tại Nitơ ở dạng amôn. Trong điều kiện hiếu khí, các muối amôn bị oxy hóa thành Nitrat nhờ vi khuẩn theo phương trình:

$$\text{NH}_4^+ + \text{O}_2 \rightarrow \text{NO}_3^- + 2\text{H}^+ + \text{H}_2\text{O}$$

- Nước từ bể Aerotank được đưa sang bể lắng để lắng cặn. Lượng bùn dư sau khi tuần hoàn sẽ được thu gom làm phân bón cây trồng.

- Nước thải sau khi lắng cặn tại bể lắng sẽ được dẫn qua bể khử trùng trước khi dẫn chảy vào hồ sinh học số 1 sau đó qua hồ sinh học số 2.

- Nước thải sau khi xử lý được lưu giữ tại hồ sinh học có chất lượng đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT sẽ và tái sử dụng để xịt rửa chuồng và tưới gốc cây cao su trong khuôn viên đất của cơ sở. Hồ sinh học kết hợp là hồ dự phòng sự cố, trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ tại hồ sinh học để xử lý sự cố, sau đó nước từ hồ sinh học sẽ được bơm về lại bể Aerotank và tiếp tục quy trình xử lý.

➤ Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải gồm các hạng mục: Bể Bioga, bể Aerotank, bể lắng, bể khử trùng, hồ sinh học có các thông số kỹ thuật thể hiện tại Bảng sau:

Bảng 5. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải

<i>TT</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Thông số kỹ thuật</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bể biogas	01	3mx 5mx 2m; bê tông	
2	Bể Aerotank	01	3mx 3mx 2m; Bê tông	
3	Bể lắng	01	3mx 3mx 2m; Bê tông	
4	Bể khử trùng	01	3mx 3mx 2m; Bê tông	
5	Hồ sinh học	02	3mx 5mx 3m; Hồ đất	

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả ra nguồn

tiếp nhận.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Trong quá trình hoạt động chăn nuôi tại Cơ sở có phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, vận tải ra vào khu vực, tuy nhiên đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung và không yêu cầu có hệ thống xử lý nên không thuộc đối tượng cấp phép xả thải theo quy định tại Khoản 1, Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Trong quá trình hoạt động chăn nuôi tại Cơ sở có phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, vận tải ra vào khu vực nên không có hệ thống thu gom, xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**a. Đối với mùi hôi từ hệ thống chuồng nuôi:**

- Chuồng cơ sở được thiết kế thông thoáng đảm bảo không khí trong chuồng luôn được lưu thông; hơn nữa đảm bảo làm loãng mùi và các khí ô nhiễm sinh ra từ quá trình phân hủy phân và nước tiểu của lợn cũng như quá trình sống của lợn.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển gia súc đều được vệ sinh sạch sẽ, tránh tình trạng phân hoặc nước tiểu ứ đọng trên xe;

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng cơ sở, khu vực lý nước thải, khu vực chứa chất thải rắn nhằm tạo dải phân cách, chắn gió, ngăn phát tán mùi, lọc mùi và tăng vẻ mỹ quan. Ngoài ra, hàng cây xanh còn có khả năng giảm bụi vào mùa khô, cải thiện về nhiệt độ không khí môi trường xung quanh.

- Dùng công nghệ đệm lót sinh học sẽ giảm được nhiều khí độc và mùi hôi trong chuồng.

b. Đối với mùi từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải chăn nuôi:

- Hệ thống xử lý nước thải phải được thiết kế và xây dựng cách xa khu vực chuồng nuôi.

- Với rãnh thu nước thải:

+ Thường xuyên thu phân, nạo vét, khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng nước thải làm tràn ra ngoài.

+ Tiến hành phun xịt chế phẩm khử mùi.

+ Trồng cây xanh xung quanh để giảm mùi đồng thời tạo cảnh quan môi trường.

c. Đối với mùi hôi từ khu vực lưu chứa rác sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của Cơ sở được tập kết mỗi ngày và lưu trữ tại các thùng rác có nắp đậy hợp vệ sinh (01 thùng rác dung tích 50 lít). Cuối ngày công nhân đem ra bên ngoài đường Quốc lộ 24 để thu gom.

d. Đối với mùi hôi từ khu vực ủ phân:

- Phân sau khi được thu gom sẽ đem đi ủ ngay, tránh tồn đọng tại khu vực tách phân gây mùi.

- Nhà ủ phân được xây dựng che mái tôn ở trên để tránh nước mưa chảy vào, chia ngăn với diện tích 02 khu, mỗi khu có diện tích 30m², trong quá trình ủ phân có bổ sung thêm men vi sinh để thúc đẩy quá trình hoại mục làm giảm mùi hôi cũng như bổ sung nguồn nấm có lợi vào đồng ủ.

- Sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý mùi hôi khắc phục phát tán mùi tần suất phun chế phẩm 3 lần/tuần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện ra sự cố;

- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời như quạt hút, đường ống, van, bơm, ...;

- Đào tạo kiến thức cho nhân viên phụ trách;

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN**1. Nguồn phát sinh:**

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở, tiếng kêu của lợn và từ máy quạt hút công nghiệp của các dãy chuồng.

2. Vị trí phát sinh: Tại khu vực các chuồng nuôi và trong khuôn viên cơ sở thuộc Thôn Kon Jơ Dreh, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

- Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giá trị giới hạn quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

Bảng 3.1. Bảng giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức âm tương đương cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 06 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 06 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp làm việc trong khu vực chuồng trại.

- Các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực cơ sở phải giảm tốc độ, hạn chế bóp còi xe khi lưu thông trong khu vực và không nổ máy trong khi dừng đỗ.

- Tăng cường mật độ cây xanh trong khuôn viên cơ sở, nhằm cải thiện điều kiện vi khí hậu và hạn chế lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí cuối hướng gió, phương tiện vận chuyển không chở quá trọng tải của xe, che đậy cẩn thận, hạn chế rơi vãi dọc đường, thường xuyên tưới nước để giảm thiểu bụi, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông và ảnh hưởng lối đi lại của người dân.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

- a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:
 - Khối lượng: Khoảng 09kg/năm.
 - Chủng loại: Bóng đèn huỳnh quang thải; Chất thải lây nhiễm (*kim tiêm, bao tay,...*); Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (*chai lọ chứa thuốc thú y, lọ vắcxin,...*) và các loại khác.
- b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:
 - Khối lượng: Khoảng 01kg/ngày.
 - Chủng loại: Bao bì, thức ăn dư thừa thải, hộp cơm thải, chai nhựa thải...
- c. Khối lượng, chủng loại chất thải chăn nuôi:
 - Khối lượng: Khoảng 300kg/tháng.
 - Chủng loại: Bao bì, thức ăn dư thừa thải, hộp cơm thải, chai nhựa thải, bao bì đựng thức ăn cho lợn, xác lợn chết không do dịch bệnh và các loại khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- a. Đối với chất thải rắn nguy hại:
 - *Thiết bị lưu chứa*: Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy với dung tích 50-50-120 lít, chất liệu nhựa cứng, hình khối chữ nhật đứng, có màu sắc khác nhau để dễ phân biệt, bên ngoài mỗi thùng chứa có dán tên mã CTNH.

- *Khu vực lưu chứa*: 01 kho chứa có diện tích 12m² có tọa độ như sau:

$X = 1417.15270; Y = 107.5956.044.$

Kết cấu kho: Xây dựng bằng gạch, xi măng, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm, cos kho chứa cao hơn cos nền của trại 10cm, có cửa ra vào, có các biển báo đảm bảo theo quy định để lưu chứa tạm thời chất thải phát sinh tại trang trại, định kỳ ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của Cơ sở được tập kết mỗi ngày và lưu chứa tại các thùng rác có nắp đậy hợp vệ sinh (01 thùng rác dung tích 50 lít).

Do lượng phát sinh nhỏ nên cuối ngày nhân viên đem ra khu vực thùng rác đặt dọc Quốc lộ 24 để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b. Đối với chất thải rắn thông thường (*phân và chất độn chuồng gia súc*):

- *Khu vực lưu chứa*: Xây dựng nhà chứa phân và ủ phân tại mỗi khu nuôi.

- *Quy cách, kết cấu*:

+ Khu 1: Diện tích khu chứa và ủ phân dài 6m x rộng 5m = 30m².

+ Khu 2: Diện tích khu chứa và ủ phân dài 10m x rộng 3m = 30m².

Nhà ủ phân được xây dựng che mái tôn ở trên để tránh nước mưa chảy vào, trong quá trình ủ phân có bổ sung thêm men vi sinh để thúc đẩy quá trình hoại mục làm giảm mùi hôi cũng như bổ sung nguồn nấm có lợi vào đó ngủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ;
- Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải;
- Thực hiện các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn lao động;
- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.
- Thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm nhiệt.